





STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022					Kế hoạch vốn năm 2023			
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		
						Chia theo nguồn vốn					Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					73,575	-	-	60,075	25,564	-	-	57,196	1,881	-	-	1,881
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần				163/QĐ-UBND 14/2/2022	45,209			45,209				45,132	163			163
2	Cải tạo hoàn thiện trung tâm cai nghiện bắt buộc thành Trung tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh				2657 28/10/2016	28,366			14,866	25,564			12,064	1,718			1,718
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025					8,339	-	-	8,339	7,500	-	-	7,500	602	-	-	602
3	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm công tác xã hội ( cơ sở 2: Nuôi dưỡng người tâm thần)				266/QĐ-UBND 09/02/2021	8,339			8,339	7,500			7,500	602			602
D	Chỉ các hoạt động kinh tế					5,114,240	1,249,967	2,657,746	1,093,709	23,323	135,624	#####	327,884	1,243,762	151,000	975,700	117,062
I	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp					267,143	-	150,000	117,143	23,323	-	45,500	49,095	7,635	-	4,500	3,135
	Thực hiện dự án																
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					267,143	-	150,000	117,143	23,323	-	45,500	49,095	7,635	-	4,500	3,135

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023				
					Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
						Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải. Hạ tầng kỹ thuật đường giao thông nội bộ N3 và Hệ thống điện chiếu sáng đường D1, N1 thuộc dự án Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải				2443a 30/10/15 2284 29/11/2017	179,000		100,000	79,000	23,323			17,323	1,265			1,265
2	Tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn nối giữa tuyến đường Phan Bội Châu đến trụ sở Công an tỉnh				1804/QĐ-UBND 30/10/2018 1220/QĐ-UBND 02/9/2022	8,143			8,143				6,272	1,870			1,870
3	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn				1803/QĐ-UBND 30/10/2018	80,000		50,000	30,000			45,500	25,500	4,500		4,500	
<b>II</b>	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT</b>					<b>1,984,576</b>	<b>979,132</b>	<b>612,000</b>	<b>335,707</b>	<b>-</b>	<b>119,624</b>	<b>25,778</b>	<b>155,832</b>	<b>439,460</b>	<b>114,000</b>	<b>279,694</b>	<b>45,766</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>																
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>					<b>1,376,436</b>	<b>979,132</b>	<b>22,000</b>	<b>317,567</b>	<b>-</b>	<b>119,624</b>	<b>22,000</b>	<b>155,832</b>	<b>152,781</b>	<b>114,000</b>	<b>15</b>	<b>38,766</b>
1	Hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ													15		15	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
2	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam				1770/QĐ-UBND 29/10/2018 1534 04/9/2020 701/QĐ-UBND 19/4/2021	189,098	169,130		19,968				6,653	1,600			1,600
3	Dự án thành phần Xây dựng hạ tầng phục vụ vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã An Hải thuộc dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung tỉnh Ninh Thuận				1301/QĐ-UBND 25/7/2022	57,737							57,571	166			166
4	Hồ chứa nước Kiên Kiên				1771/QĐ-UBND 29/10/2018	291,488	144,532		146,956				83,397	19,000			19,000
5	Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán				1154/QĐ-UBND 10/7/2018 812/QĐ-UBND 02/6/2020	838,113	665,470	22,000	150,643		119,624	22,000	8,211	132,000	114,000		18,000
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>					<b>608,140</b>	<b>-</b>	<b>590,000</b>	<b>18,140</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3,778</b>	<b>-</b>	<b>286,679</b>	<b>-</b>	<b>279,679</b>	<b>7,000</b>
6	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá Cà Ná				3382/QĐ-BNN-KH 27/7/2021	214,000		200,000	14,000					7,000			7,000
7	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ				41/NQ-HĐND 17/5/2021	394,140		390,000	4,140			3,778		279,679		279,679	
<b>III</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>					<b>354,309</b>	<b>270,835</b>	<b>-</b>	<b>83,474</b>	<b>-</b>	<b>16,000</b>	<b>-</b>	<b>1,300</b>	<b>61,725</b>	<b>37,000</b>	<b>13,725</b>	<b>11,000</b>

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch vốn năm 2023						
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
						Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn			
						Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>												13,725		13,725		
1	Dự án Đầu nối, nâng cấp, mở rộng các Hệ thống cấp nước Ma Lâm, Phước Thành, huyện Bắc Ái; Ma Nớ huyện Ninh Sơn; Phước Hà huyện Thuận Nam và Phương Cựu, huyện Ninh Hải để cấp nước sinh hoạt cho người dân phục vụ cho công các chống hạn												13,725		13,725		
b	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>					<b>354,309</b>	<b>270,835</b>	<b>-</b>	<b>83,474</b>	<b>-</b>	<b>16,000</b>	<b>-</b>	<b>1,300</b>	<b>48,000</b>	<b>37,000</b>	<b>-</b>	<b>11,000</b>
2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ, tỉnh Ninh Thuận				945/QĐ-UBND 24/5/2021	143,151	122,335		20,816		16,000		1,300	41,000	37,000		4,000
3	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Ninh Thuận				1442/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	186,300	148,500		37,800					1,000			1,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023				
					Tổng mức đầu tư được duyệt				TỔNG SỐ (TẤT CẢ CÁC NGUỒN VỐN)				CHIA THEO NGUỒN VỐN				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
							Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
4	Dự án đóng mới tàu kiểm ngư phục vụ tuần tra, kiểm soát và tìm kiếm cứu nạn trên biển				39NQ-HĐND 17/5/2021	24,858			24,858				6,000			6,000	
IV	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông</b>					<b>1,867,261</b>	-	<b>1,600,550</b>	<b>266,711</b>	-	-	<b>846,312</b>	<b>35,000</b>	<b>623,449</b>	-	<b>623,449</b>	-
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>					<b>1,867,261</b>	-	<b>1,600,550</b>	<b>266,711</b>	-	-	<b>846,312</b>	<b>35,000</b>	<b>623,449</b>	-	<b>623,449</b>	-
1	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng				1049 09/6/2021	1,494,746		1,230,550	264,196			588,679	35,000	511,321		511,321	
2	Đường Văn Lâm - Sơn Hải				1029/QĐ-UBND 07/6/2021	372,515		370,000	2,515			257,633		112,128		112,128	
V	<b>Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn</b>					<b>5,620</b>	-	-	<b>2,620</b>	-	-	-	<b>1,055</b>	<b>1,323</b>	-	-	<b>1,323</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>					<b>5,620</b>	-	-	<b>2,620</b>	-	-	-	<b>1,055</b>	<b>1,323</b>	-	-	<b>1,323</b>
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Phước Nhơn				888/QĐ-UBND 12/7/2022	5,620			2,620				1,055	1,323			1,323
VI	<b>UBND huyện Thuận Bắc</b>					<b>93,454</b>	-	-	<b>93,454</b>	-	-	-	<b>13,500</b>	<b>20,000</b>	-	-	<b>20,000</b>
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>					<b>93,454</b>	-	-	<b>93,454</b>	-	-	-	<b>13,500</b>	<b>20,000</b>	-	-	<b>20,000</b>
1	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá lán, xã Phước Kháng, huyện Thuận bắc				765/QĐ-UBND 23/6/2022	93,454			93,454				13,500	20,000			20,000







STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023				
					Tổng mức đầu tư được duyệt				TỔNG SỐ (TẤT CẢ CÁC NGUỒN VỐN)				CHIA THEO NGUỒN VỐN				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
							Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					105,000	-	105,000	-	-	-	99,500	-	1,900	-	1,900	-
1	Kè chống sạt lở Nhon Hải đến Thanh Hải				866/QĐ-UBND 11/6/2020	105,000		105,000				99,500		1,900		1,900	
XIV	UBND huyện Thuận Nam					50,000	-	50,000	-	-	-	41,500	-	8,500	-	8,500	-
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					50,000	-	50,000	-	-	-	41,500	-	8,500	-	8,500	-
1	Kè chống sạt lở khu vực cảng Cà Ná				1246 30/7/2020	50,000		50,000				41,500		8,500		8,500	
XV	Công ty TNHH MTV Khai thác các công trình thủy lợi					34,000	-	34,000	-	-	-	-	-	34,000	-	34,000	-
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025					34,000	-	34,000	-	-	-	-	-	34,000	-	34,000	-
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trà Co và Phước Nhon				25/NQ-HĐND 30/6/2022	34,000		34,000						34,000		34,000	
E	Chi an ninh, trật tự an toàn xã hội					39,420	-	-	39,420	9,516	-	-	13,630	13,386	-	-	13,386
I	Công an tỉnh					39,420	-	-	39,420	9,516	-	-	13,630	13,386	-	-	13,386
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025					39,420	-	-	39,420	9,516	-	-	13,630	13,386	-	-	13,386
1	Trụ sở làm việc Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Ninh Sơn, Bắc Ái				389/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	27,920			27,920				4,114	11,630			11,630



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023				
					Tổng mức đầu tư được duyệt				TỔNG SỐ (TẤT CẢ CÁC NGUỒN VỐN)				CHIA THEO NGUỒN VỐN				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
							Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					150,649	-	105,000	45,649	-	-	-	40,626	5,000	-	-	5,000
1	Doanh trại sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Thuận				6267/QĐ-BQP 31/12/2019; 3919/QĐ-BQP 05/10/2022; 1339/QĐ-BQP 15/4/2021	150,649		105,000	45,649				40,626	5,000			5,000
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025					17,226	-	-	17,226	-	-	-	-	8,000	-	-	8,000
2	Bổ sung, nâng cấp đơn vị Biên phòng Phước Diêm				43/NQ-HĐND 22/7/2022	6,726			6,726					3,000			3,000
3	Bổ sung nâng cấp hải đội Biên phòng 2				44/NQ-HĐND 22/7/2022	10,500			10,500					5,000			5,000
G	Chi y tế dân số và gia đình					371,332	73,129	180,999	117,204	-	-	65,700	25,982	124,700	-	100,000	24,700
I	Sở Y tế					91,829	73,129	9,700	9,000	-	-	9,700	3,076	500	-	-	500
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					91,829	73,129	9,700	9,000	-	-	9,700	3,076	500	-	-	500
1	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận			2020-2024	491/QĐ-UBND 01/4/2019	91,829	73,129	9,700	9,000			9,700	3,076	500			500
II	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp					210,110	-	156,000	54,110	-	-	56,000	17,906	112,000	-	100,000	12,000



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
							Ngoài nước	Ngân sách Trung ương				Ngân sách địa phương	Ngoài nước		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					2,253,010	1,599,512	407,960	245,539	-	-	85,960	245,101	567,900	567,900	-	-
1	Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiêu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm				1596/QĐ-UBND 16/11/2022	2,253,010	1,599,512	407,960	245,539			85,960	245,101	567,900	567,900		
I	Văn hóa, thông tin					9,539	-	-	9,539	-	-	-	9,367	230	-	-	230
I	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch					9,539	-	-	9,539	-	-	-	9,367	230	-	-	230
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025					9,539	-	-	9,539	-	-	-	9,367	230	-	-	230
1	Trung bày nội thất bảo tàng tỉnh				739/QĐ-UBND 20/6/2022	9,539			9,539				9,367	230			230
J	Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, Đảng, Đoàn thể					68,996	-	-	68,996	-	-	-	-	21,000	-	-	21,000
I	Văn phòng Tỉnh ủy					68,996	-	-	68,996	-	-	-	-	21,000	-	-	21,000
	<b>Thực hiện dự án</b>																
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025					68,996	-	-	68,996	-	-	-	-	21,000	-	-	21,000
1	Xây dựng Nhà công vụ thuộc Văn phòng Tỉnh ủy				125/NQ-HĐND 11/12/2021	41,996			41,996					12,900			12,900
2	Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025				46/NQ-HĐND 22/7/2022	27,000			27,000					8,100			8,100

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		
						Chia theo nguồn vốn					Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
K	LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050												14,472			14,472	
L	Chuẩn bị đầu tư												15,000			15,000	
M	HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN												5,000			5,000	
N	Phân cấp các huyện, thành phố												366,900			366,900	
1	Vốn phân cấp												290,500			290,500	
	Thành phố PRTC												68,132			68,132	
	Huyện Ninh Sơn												35,043			35,043	
	Huyện Ninh Phước												46,573			46,573	
	Huyện Thuận Nam												29,200			29,200	
	Huyện Ninh Hải												53,269			53,269	
	Huyện Thuận Bắc												43,534			43,534	
	Huyện Bác ái												14,749			14,749	
2	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông												49,000			49,000	
	Thành phố PRTC												13,600			13,600	
	Huyện Ninh Sơn												4,200			4,200	
	Huyện Ninh Phước												10,900			10,900	
	Huyện Thuận Nam												4,800			4,800	
	Huyện Ninh Hải												10,000			10,000	
	Huyện Thuận Bắc												3,000			3,000	
	Huyện Bác ái												2,500			2,500	
3	Hỗ trợ Hợp tác xã												5,000			5,000	
	Thành phố PRTC												610			610	
	Huyện Ninh Phước												1,689			1,689	
	Huyện Thuận Nam												926			926	
	Huyện Ninh Hải												926			926	
	Huyện Thuận Bắc												370			370	
	Huyện Bác ái												479			479	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2023					
					Tổng mức đầu tư được duyệt			TỔNG SỐ (TẤT CẢ CÁC NGUỒN VỐN)				KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023					
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Chia theo nguồn vốn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
						Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
4	Hỗ trợ các huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới											22,400			22,400		
<b>O</b>	<b>BÙ HỤT THU NĂM 2022, THANH TOÁN TRÌNH HOÀN THÀNH KHI CÓ QUYẾT TOÁN VÀ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC</b>												<b>38,960</b>			<b>38,960</b>	
<b>P</b>	<b>PHÂN BỐ SAU</b>												30,000			<b>30,000</b>	
<b>Q</b>	<b>Dự án chưa giao chủ đầu tư</b>					<b>296,000</b>	-	<b>273,000</b>	<b>23,000</b>	-	-	-	-	<b>275,000</b>	-	<b>275,000</b>	-
1	Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng												2,000		2,000		
2	Dự án đầu tư các công trình thiết yếu trên địa bàn xã Phước Dinh huyện Thuận Nam và xã Vĩnh Hải huyện Ninh Hải (Đề án ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển khu dân cư đối với các vị trí trước đây quy hoạch xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2)				46/NQ-HĐND 30/8/2022	296,000		273,000	23,000				273,000		273,000		
<b>R</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>												<b>308,565</b>	-	<b>277,565</b>	<b>31,000</b>	
1	UBND TP PR-TC												2,410		2,160	250	
2	UBND huyện Ninh Sơn												47,370		39,920	7,450	
3	UBND huyện Ninh Phước												14,501		10,031	4,470	
4	UBND huyện Bác Ái												91,605		91,605		
5	UBND huyện Thuận Nam												41,630		34,670	6,960	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch vốn năm 2023					
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		
						Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
6	UBND huyện Ninh Hải											14,223		9,753	4,470	
7	UBND huyện Thuận Bắc											30,815		30,065	750	
8	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN											11,500		10,000	1,500	
9	Trường Trung cấp Y tế											3,580		3,580		
10	Trường Cao đẳng nghề											11,950		11,950		
11	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội											515		385	130	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch											440		380	60	
13	Đài Phát thanh và Truyền hình											36,936		32,116	4,820	
14	Ban Dân tộc											1,090		950	140	